

VU シリーズ (ユニバーサル)

特徴

- ✓ 平板、または、なだらかな曲面のワークの移送
- ✓ 少し窪んでいるワークの移送
- ✓ 表面の滑らかな、または少し曲がっているワークの移送



適用分野

- 小型部品、半導体チップ、包装材、ダンボール、板金



品番表示

VU40 ① N ② M ③ 18F - ④ EV - ⑤ L1820T ⑥ BJ18 ⑦

① パッド径

VU1.5X	- Ø1.5
VU2	- Ø2
VU2X	- Ø2
VU3	- Ø3
VU3K	- Ø3.5
VU4	- Ø4
VU4X	- Ø4
VU6	- Ø6
VU8	- Ø8
VU10	- Ø10
VU15	- Ø15
VU20	- Ø20
VU25	- Ø25
VU30	- Ø30
• VU40	- Ø40
VU50	- Ø50
VU80	- Ø80

② 材質

- N - NBR
- S - シリコン
- WS - 白シリコン
- HS - 耐熱シリコン
- CS - 導電性特殊材料
- U - ウレタン
- A - 吸着痕防止

④ ネジ径

M2.5M	- M2.5 オネジ (VU2, VU3)
M5M	- M5 オネジ (VU2, VU3, VU4, VU6, VU8, VU10, VU15)
18M	- G1/8" オネジ (VU40)
14M	- G1/4" オネジ (VU40, VU50)
38M	- G3/8" オネジ (VU50)
M5 18MF	- M5 メネジ ・ G1/8" オネジ (VU20, VU25, VU30)
M5 18MFX *	- M5 メネジ ・ G1/8" オネジ (VU20, VU25, VU30)
• 18F	- G1/8" メネジ (VU30, VU40, VU50, VU80)
18FX *	- G1/8" メネジ (VU40)
M5X5F	- M5X5 メネジ (VU20, VU25, VU30)
18X5F	- G1/8" X5 メネジ (VU40, VU50)
8	- Ø 8 (VU80)

* シリコンのみ適用

③ フィルタ

- 無記号 - 基本形
- M - メッシュフィルタ内蔵

⑤ バルブ

- 無記号 - 基本形
- EV - 真空効率化バルブ (VU20, VU25, VU30, VU40, VU50)

アクセサリ品番

L 1820T ⑥ BJ 18 ⑦

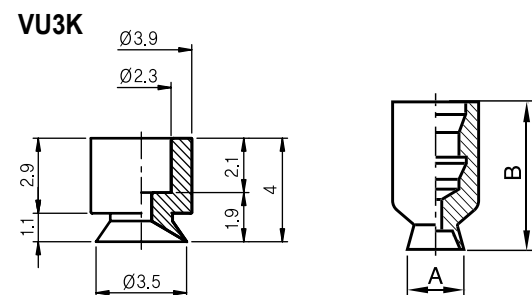
⑥ レベルスプリング		⑦ ボールジョイント
品番	ストローク (mm)	
L506TX, L506TS, L506TU, L506TM	6	—
L508FW, L508W	8	
L510LTX, L510LTS, L510LTU, L510LTM	10	
L507T, L507TN	7	
L515T	15	
L510, L510T	10	
L520, L520T, L520TF	20	
L1805F	5	
L525TXN, L525TSN, L525TUN, L525TMN	25	
L1805M	5	• BJ 18
L1808W	8	
L1810T, L1810TS, L1810TSE	10	
L1815, L1815T	15	
• L1820T, L1820TS	20	
L1820TN *	20	
L1830, L1830T, L1830TS	30	
L1850, L1850T, L1850TN *	50	

* ボールジョイント (BJ) と同時使用不可

真空度別 最大搬送力

品番	パッド面積 (cm ²)	垂直搬送力 (kg)			水平搬送力 (kg)		
		-20 kPa	-60 kPa	-90 kPa	-20 kPa	-60 kPa	-90 kPa
VU1.5X	0.0015	0.0008	0.003	0.004			
VU2	0.0025	0.003	0.01	0.015			
VU2X	0.0025	0.003	0.01	0.015			
VU3	0.005	0.009	0.04	0.06			
VU3K	0.018	0.014	0.06	0.09			
VU4	0.03	0.02	0.09	0.13	0.02	0.08	0.10
VU4X	0.03	0.02	0.09	0.13	0.02	0.08	0.10
VU6	0.05	0.05	0.17	0.25	0.03	0.15	0.20
VU8	0.1	0.1	0.29	0.39	0.1	0.29	0.34
VU10	0.18	0.15	0.44	0.7	0.15	0.44	0.50
VU15	0.5	0.35	0.85	1.12	0.35	0.55	0.60
VU20	1.0	0.6	1.22	1.63	0.6	0.89	1.00
VU25	1.5	0.91	1.98	2.5	0.7	0.95	1.05
VU30	2.0	1.22	2.55	3.06	0.79	1.00	1.12
VU40	5.5	2.04	3.97	5	1.42	2.24	2.8
VU50	12.0	3.57	7.44	9.38	2.04	3.77	4.48
VU80	32	7.77	19.8	25.21	4.53	12.7	16.94

寸法



◀ VU1.5X、VU2X、VU4X [mm]

品番	A	B
VU1.5X	1.9	12
VU2X	2.6	12
VU4X	4.6	12

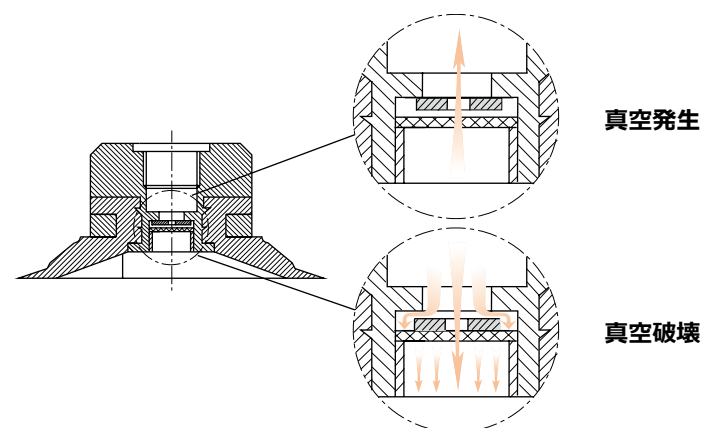
◀ VU2、3、4、6、8、10、15 [mm]

品番	A	B
VU2	2.6	3.5
VU3	3.8	4.5
VU4	5	6.1
VU6	7	6.5
VU8	9	7
VU10	11	10.5
VU15	16.5	11

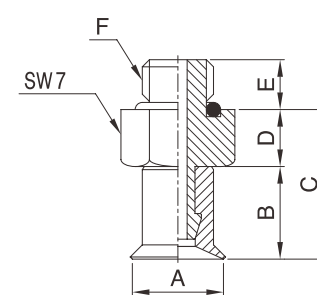
◀ VU20、30、40、50 [mm]

品番	A	B
VU20	22	8
VU25	27	9
VU30	32	9.5
VU40	42	13
VU50	53	17.5

真空効率化バルブ

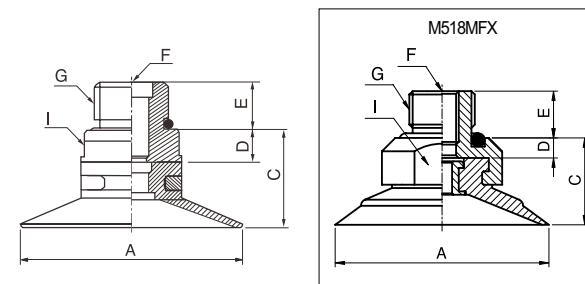


寸法



◀ オネジ [mm]

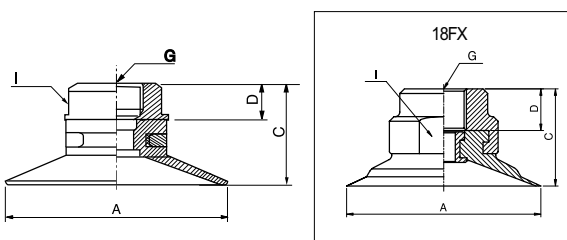
品番	A	B	C	D	E	F
VU2-M2.5M・M5M	2.6	3.5	6/8.1	2.5/4.6	3/4.2	M2.5・M5
VU3-M2.5M・M5M	3.8	4.5	7/9.1	2.5/4.6	3/4.2	M2.5・M5
VU4-M5M	5	6.1	10.1	4	3.5	M5
VU6-M5M	7	6.5	10.5	4	3.5	M5
VU8-M5M	9	7	11	4	3.5	M5
VU10-M5M	11	10.5	15.5	5	3.5	M5
VU15-M5M	16.5	11.5	16	5	3.5	M5



◀ オネジ [mm]

品番	A	C	D	E	F	G	I
VU20-M518MF	22	9.5	1.5	6	M5	G1/8"	SW12
VU20-M518MFX *	22	11	3	7	M5	G1/8"	SW16
VU25-M518MF	27	10.5	1.5	6	M5	G1/8"	SW12
VU25-M518MFX *	27	12	3	7	M5	G1/8"	SW16
VU30-M518MF	32	11	1.5	6	M5	G1/8"	SW12
VU30-M518MFX *	32	12.5	3	7	M5	G1/8"	SW16
VU40-18M	42	18	5	7	-	G1/8"	SW17
VU40-14M	42	19	6	9	-	G1/4"	SW17
VU50-14M	53	23.5	6	9	-	G1/4"	SW24
VU50-38M	53	23.5	6	10	-	G3/8"	SW24

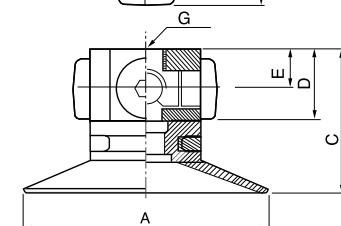
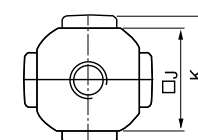
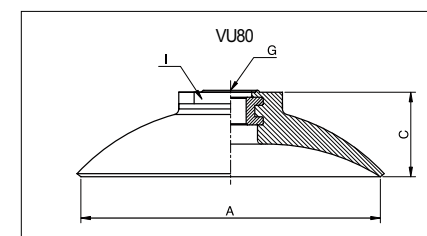
* シリコンのみ適用



◀ メネジ [mm]

品番	A	C	D	G	I
VU20-18F	22	16	8	G1/8"	SW15
VU25-18F	27	17	8	G1/8"	SW15
VU30-18F	32	17.5	8	G1/8"	SW15
VU40-18F	42	21	8	G1/8"	SW17
VU40-18FX *	42	22	9	G1/8"	SW21
VU50-18F	53	26.5	9	G1/8"	SW24
VU80-18F	78	21.5	-	G1/8"	SW19
VU80-8	78	21.5	-	Ø8	SW19

* シリコンのみ適用



◀ メネジ X5 [mm]

品番	A	C	D	E	G	□J	K
VU20-M5X5F	22	17	9	5	M5X5	15	22
VU25-M5X5F	27	18	9	5	M5X5	15	22
VU30-M5X5F	32	18.5	9	5	M5X5	15	22
VU40-18X5F	42	31	18	10	G1/8"X5	22	30
VU50-18X5F	53	35.5	18	10	G1/8"X5	28	36